

Bản án số: 60/2021/HS-ST

Ngày 29 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Băng và bà Nguyễn Thị Kim Lý.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lương Huy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2021/TLST-HS ngày 09/9/2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HS ngày 15/9/2021, đối với bị cáo:

Vũ Thị Hồng V, tên gọi khác Vũ Hồng V, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1968 tại tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Tổ 4, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: hưu trí; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đ và bà Đặng Thị Đ; có chồng là Trần Đăng T và 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại tại tổ 4, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 01, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bà Trần Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 02, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Ông Trần Đăng T, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 04, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Bà Tạ Thị Kim H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 07, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái; địa chỉ: Số 84 đường Đ, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T, sinh năm 1971 – Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái quản lý, điều hành Phòng Công chứng số 1, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2019, do có nhu cầu cần sử dụng tiền Vũ Thị Hồng V liên hệ với bà Trần Thị C để hỏi vay tiền, bà C không có tiền nên đã giới thiệu V đến vay tiền của ông Nguyễn Tiến L. Ông L đồng ý cho V vay tiền với điều kiện, phải có tài sản thế chấp thì mới cho vay. Vì cần tiền mà giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Camry số đăng ký: 012092, BKS: 21A – 066.21 mang tên Trần Đăng T là chồng của V đang thế chấp tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Bắc Yên Bái, nên V nảy sinh ý định làm giả giấy đăng ký xe ô tô số: 012092, BKS: 21A – 066.21 để thế chấp vay tiền. Để thực hiện ý định, V lên mạng Internet tìm một người làm giả giấy tờ. Sau khi tìm được số điện thoại của người nhận làm giả giấy tờ trên mạng Internet, V đã liên lạc qua số điện thoại với người này và thỏa thuận: Giả làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012092, BKS: 21A – 066.21 mang tên Trần Đăng T là 4.000.000 đồng; V gửi hình ảnh của giấy chứng nhận đăng ký xe và thông tin cần làm giả cho người này, sau khi làm xong giấy chứng nhận đăng ký xe giả người này sẽ gửi đường bưu điện về địa chỉ nhà V.

Khoảng mấy ngày sau, V nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 012092, BKS: 21A – 066.21 mang tên Trần Đăng T do nhân viên giao hàng đến giao. V đã thanh toán cho nhân viên giao hàng số tiền 4.000.000 đồng và liên hệ với ông L, muốn cầm cố giấy tờ đăng ký xe ô tô để vay tiền. Ông L đồng ý, cho V vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) thỏa thuận tiền lãi 02 tháng đầu lãi vay là 7.800.000 đồng/ tháng, từ tháng thứ 3 lãi suất là 5.200.000 đồng/ tháng. Ông L yêu cầu vợ chồng V phải làm Hợp đồng mua bán xe tại Phòng Công chứng để đảm bảo khoản vay. Vì sợ ông T không đồng ý, V đã nói dối ông T là V đã trả tiền ngân hàng, lấy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ở ngân hàng về để thế chấp vay tiền của ông L với lãi suất thấp hơn và ông L yêu cầu phải đến Phòng Công chứng để làm hợp đồng mua bán xe. Vì tin tưởng vợ, ông T đồng ý và ngày 29/11/2019, Vũ Thị Hồng V, ông Trần Đăng T và ông Nguyễn Tiến L bà Trần Thị C có mặt tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái để làm hợp đồng công chứng mua bán xe ô tô, V là người cung cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả chứng nhận số 012092, BKS: 21A – 066.21 mang tên Trần Đăng T và một số giấy tờ cho ông L để ông L đưa cho Công chứng viên hoàn thiện hợp đồng công chứng. Tại Phòng Công chứng số 1, vợ chồng Vũ Thị Hồng V, ông Trần Đăng T và ông Nguyễn Tiến L cùng nhau ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng: 4032, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Tạ Thị Kim H - Phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái thực hiện.

Sau khi ký kết hợp đồng mua bán xe xong ông L là người quản lý giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012092, BKS: 21A – 066.21 mang tên Trần Đăng T, còn xe ô tô gia đình V vẫn quản lý, sử dụng. Ông L đưa cho V số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), V, ông L, bà C thỏa thuận trừ khoản vay 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) trước đó V vay của bà C,

số tiền còn lại 195.000.000 đồng, V mang về nhà sử dụng vào việc trả lãi vay ngân hàng và chi tiêu gia đình. Sau đó vài ngày ông L đến nhà V yêu cầu vợ chồng V ký giấy mượn xe thì mới cho vay nốt số tiền số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) như đã thỏa thuận, nhưng ông T không đồng ý, V và ông T không vay thêm số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) của ông L. Đến nay, ông T và V đã trả được ông L 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi. Trong khi bảo quản, giữ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012092, ông L nghi ngờ là giấy tờ giả nên đến Cơ quan công an thành phố Yên Bái để trình báo và giao nộp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012092, BKS 21A – 066.21 mang tên Trần Đăng T.

Tại kết luận số 284 ngày 10/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012092, BKS 21A – 066.21 mang tên Trần Đăng T” do ông Nguyễn Tiến L giao nộp là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Cáo trạng số: 55/CT-VKS-TP ngày 08/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Vũ Thị Hồng V về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến L và bà Trần Thị C thống nhất trình bày:

Đối với số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) trước đó V vay của bà C, V, bà C và ông L thống nhất trừ vào khoản vay ông L cho V vay để sử dụng vào mục đích chung của gia đình, bà C không có yêu cầu gì đối với V. Tổng số tiền V vay của ông L là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), V và ông T đã trả được cho ông L là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc còn lại 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), ông L yêu cầu V và ông T phải trả cho ông L. Ông L không tính lãi đối với khoản tiền này.

Ông L, bà C không có yêu cầu đề nghị gì với Phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái và Công chứng viên Tạ Thị Kim H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Hồng V phạm tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thị Hồng V từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Phạt bị cáo Vũ Thị Hồng V từ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông L. Buộc bị cáo V và ông T phải trả cho ông Nguyễn Tiến L số tiền đã vay là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

- Về vật chứng: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.
- Về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Vũ Thị Hồng V thành khẩn khai nhận đã có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; xin được hưởng mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo; Về phần trách nhiệm dân sự bị cáo nhất trí với ý kiến của bà Trần Thị C và ông Nguyễn Tiến L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, được xem xét công khai tại phiên tòa. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 29 tháng 11 năm 2019, Vũ Thị Hồng V đã có hành vi sử dụng giấy đăng ký xe ô tô BKS: 21A – 066.21 giả làm hợp đồng mua bán xe ô tô tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái mục đích đảm bảo cho hợp đồng vay tiền với ông Nguyễn Tiến L, do ông L không biết giấy tờ đăng ký xe ô tô giả nên đã cho V vay số tiền là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Hành vi của bị cáo Vũ Thị Hồng V đã phạm vào tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố đối với bị cáo Vũ Thị Hồng V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị Hồng V là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội. Do đó, cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân, bị cáo nhận thức rõ hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng răn đe, phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên

tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bố mẹ bị cáo đều là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương chiến thắng và huân chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy cần phạt bị cáo Vũ Thị Hồng V một khoản tiền nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bà Trần Thị C không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Tiến L buộc bị cáo Vũ Thị Hồng V và ông Trần Đăng T phải trả cho ông L số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), ông L không tính lãi đối với khoản tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Tiến L và bị cáo Vũ Thị Hồng V được thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, sau khi nhận được số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) vay từ ông L, bị cáo V đã sử dụng trả nợ cho bà Trần Thị C số tiền vay trước đó là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) còn lại bị cáo sử dụng vào mục đích chung của gia đình, chồng bị cáo là ông Trần Đăng T biết việc bị cáo V vay tiền của ông L và đã cùng bị cáo trả cho ông L số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 7.800.000 đồng. Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, cần buộc ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bị cáo V trả nợ cho ông L số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Do ông L không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với người được V thuê làm giả giấy đăng ký xe ô tô, do V không biết người này là ai, cũng không còn lưu trữ bất kỳ thông tin gì về người này nên không có căn cứ để xử lý đối với người này.

[9] Đối với ông Trần Đăng T có đến Phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái ký kết Hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng: 4032, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD để đảm bảo cho khoản vay của bị cáo V với ông L, việc bị cáo V làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 012092 ông T không biết, không tham gia nên không có căn cứ để xử lý đối với ông T.

[10] Đối với Công chứng viên Tạ Thị Kim H là người thực hiện công chứng đối với Hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng: 4032, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD. Quá trình tiếp nhận tài liệu, giấy tờ hoàn thiện thủ tục công chứng do bị cáo V không trung thực, cung cấp giấy đăng ký xe ô tô 012092 mang tên Trần Đăng T BKS 21A – 06621 là giấy tờ giả, mặt khác Phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái chưa được trang bị, thiết bị để phát hiện ra giấy tờ giả, nên Công chứng viên không phát hiện ra giấy đăng ký xe ô tô giả, Công chứng viên không vì mục đích vụ lợi của bản thân, hay vì bất kỳ mục đích riêng nào khác nên không có căn cứ xem xét để xử lý trong vụ án.

[11] Về vật chứng:

Đối với 01 đăng ký xe ô tô giả số 012092, mang tên Trần Đăng T; 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 160.000.000 đồng x 5% = 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

[13] Bị cáo Vũ Thị Hồng V sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả cùng ông Trần Đăng T, ông Nguyễn Tiến L ký kết Hợp đồng mua bán xe ô tô, đây là hợp đồng giả cách nhằm mục đích che giấu hợp đồng vay tài sản giữa bị cáo V và ông L nên kiến nghị Phòng Công chứng số 1, tỉnh Yên Bái làm thủ tục tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô do Phòng Công chứng số 1 tỉnh Yên Bái công chứng số 4032, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/11/2019 vô hiệu theo quy định tại Điều 52 Luật Công chứng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Hồng V phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Thị Hồng V 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bị cáo Vũ Thị Hồng V số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Thị Hồng V và ông Trần Đăng T liên đới trả cho ông Nguyễn Tiến L số tiền vay là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012092 được niêm phong trong một phong bì do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành, mặt sau các mép phong bì được dán kín, có họ tên, chữ ký và các hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Yên Bái.

- 01 vỏ phong bì niêm phong do Đội cảnh sát ĐTTP về Kinh tế và Chức vụ Công an thành phố Yên Bái phát hành đã được bóc mở.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái).

5. Về án phí: Bị cáo Vũ Thị Hồng V phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, đối với phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

7. Kiến nghị: Phòng Công chứng số 1, tỉnh Yên Bái làm thủ tục tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng: 4032, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/11/2019 vô hiệu theo quy định tại Điều 52 Luật Công chứng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái.
- VKSND TP Yên Bái.
- Chi cục THADS TP Yên Bái
- Công an TP Yên Bái;
- HSNV Công an TP. Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến